BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần In Hàng không

Năm báo cáo: Năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần In Hàng không (Aviation Printing Joint Stock Company)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Công ty Cổ phần In Hàng không hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 02 tháng 02 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 21.419.280.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 21.419.280.000 đồng
- Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (04) 38 720 376
- Số fax: (04) 38 725 372
- Website: aviprint.com.vn
- Mã cổ phiếu: IHK

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần In Hàng không được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty In Hàng không trực thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam theo Quyết định số 1900/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009389 do

PHM QUANG THIP
Digitally signed by PHM QUANG THIP
Date: 2015.04.20 09:57:28 +07:00

Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005 với vốn Điều lệ 17.000.000.000 đồng.

Ngày 04/03/2010 chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 10/2010, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 441.928 cổ phiếu (phát hành thêm từ chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng) đưa tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.141.928 cổ phiếu, tương đương với tổng giá trị chứng khoán giao dịch là 21.419.280.000 đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sữa tách bơ và bơ, gia vị, nước chấm, nước sốt, giấm);
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Khai thác muối;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Dịch vụ đóng gói;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đạt khác trong xây dựng;

- Kinh doanh bất động sản;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm).

- Địa bàn kinh doanh: Ngoài trụ sở chính tại Hà Nội, hiện nay công ty có hai chi nhánh Miền nam và Miền trung

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

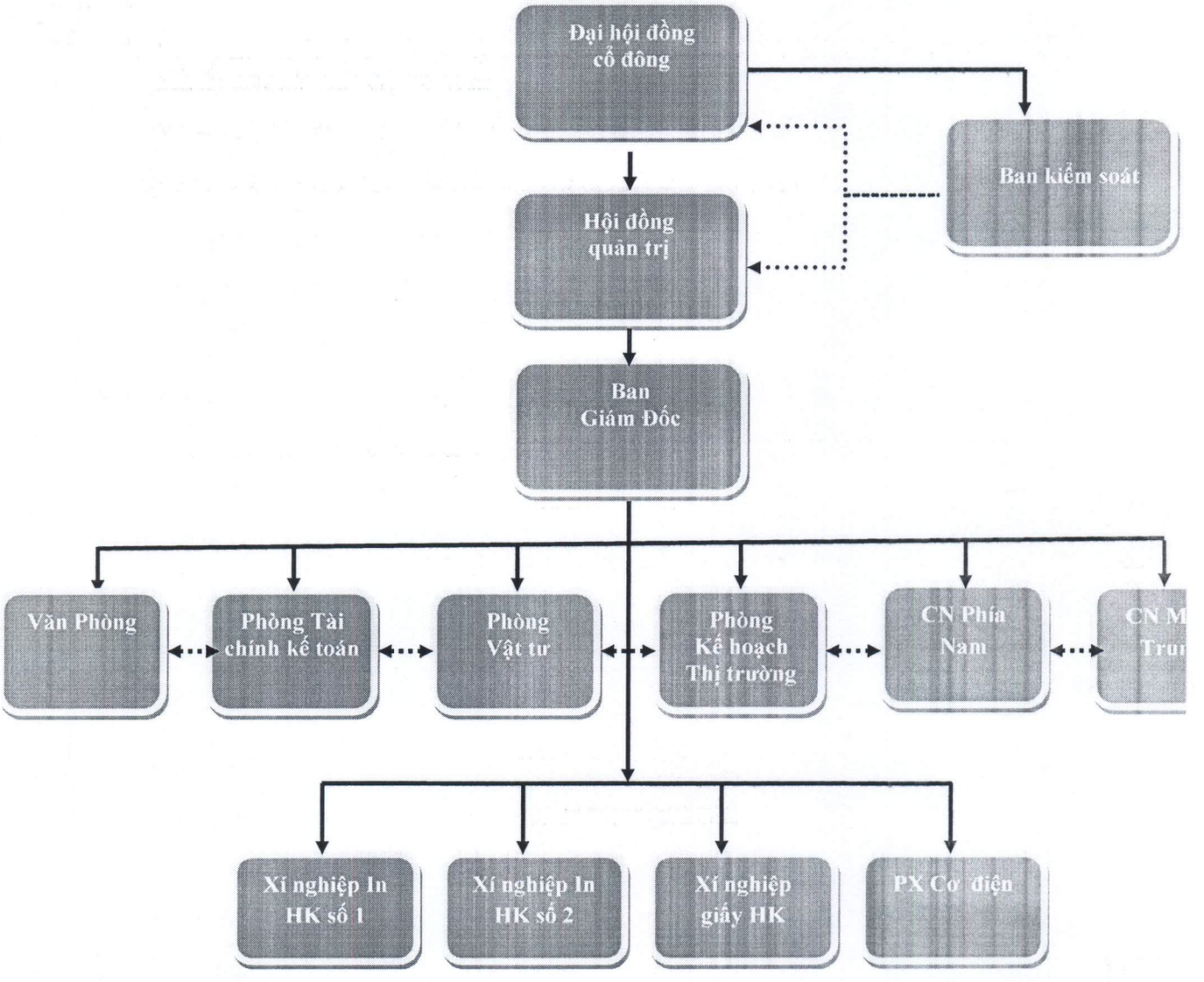

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Tiếp tục theo đuổi mục tiêu dài hạn, hướng vào sản phẩm phục vụ ngành Hàng không.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Phấn đấu duy trì tăng trưởng về lợi nhuận, bảo đảm tình hình tài chính an toàn, mạnh mẽ, quản lý chặt chẽ công nợ.

- Phát huy mọi tiềm lực hiện có, đặc biệt coi trọng tính bền vững và chất lượng tăng trưởng trên cơ sở nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch và hiệu quả đầu tư, áp dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng trong sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng in offset, mở rộng hướng đầu tư in bao bì mềm, nhãn mác, vé xem phim, vé cầu đường có lợi thế về công nghệ in flexonhững sản phẩm có tính chất khó như in bế liên tục.

6. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế:

- Sản phẩm in ấn của Công ty Cổ phần In Hàng không bao gồm các sản phẩm vé máy bay, catalogue, giấy ăn, túi nilon, túi nôn bao bì các loại... là các sản phẩm thiết yếu phục vụ cho các nhu cầu hàng ngày. Do vậy nền kinh tế phát triển nhanh hay chậm thì người dân cũng như các doanh nghiệp vẫn rất cần đến các sản phẩm nói trên. Tuy nhiên khi nền kinh tế phát triển thì những nhu cầu này cũng tăng lên theo.

- Cạnh tranh ngày càng khốc liệt những sản phẩm in truyền thống bị thu nhỏ so với các phương tiện truyền thông khác.

- Năm 2015 hết thời gian ưu đãi về tiền thuê đất đối với doanh nghiệp chỉ tính riêng khoản chi phí này đã lên tới gần 1 tỷ đồng.

- Nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua luôn tăng trưởng thấp do đó rủi ro nền kinh tế trong trường hợp đối với mảng sản xuất in ấn này cũng là điều đáng quan ngại.

Rủi ro về pháp luật:

- Là một công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

- Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp

lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến việc cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

Rủi ro về kinh doanh:

- Sản phẩm chính của Công ty là các sản phẩm in ấn, được tiêu thụ trong nước, thị trường tương đối ổn định không có biến động lớn về giá cũng như cung cầu, sản phẩm hoàn thiện được giao ngay nên không xảy ra tồn đọng.

- Bên cạnh các sản phẩm truyền thống như giấy ăn và sản xuất cốc giấy phục vụ công ty mẹ là Tổng công ty Hàng không Việt Nam, các sản phẩm in như túi đựng, catalogue, sổ sách, tạp chí được Công ty in theo đơn đặt hàng. Do vậy những rủi ro đặc thù kinh doanh không phải là vấn đề lớn đối với doanh nghiệp.

Rủi ro biến động giá cổ phiếu:

Việc Công ty Cổ phần In Hàng không đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty Cổ phần In Hàng không đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị đăng ký giao dịch nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Thuận lợi:

- Năm 2014, Công ty tiếp tục được Tổng công ty hỗ trợ giao kế hoạch cung cấp sản phẩm nội bộ.

- Các giải pháp kinh tế vĩ mô đã góp phần tác động tới giá nguyên vật liệu có chiều hướng giảm vào những tháng cuối năm 2014.

- Với định hướng chiến lược là đầu tư để phục vụ ngành vận tải Hàng không, rủi ro kinh doanh của Công ty sẽ gắn liền với những thay đổi của thị trường Hàng không trong nước và quốc tế.

- Thị trường in bao bì, nhãn mác, vé các loại, giấy có mức tăng trưởng theo dự báo khi xây dựng kế hoạch; sản lượng xuất khẩu muối, tiêu vẫn ổn định trong năm 2014 với mức doanh thu trên 9,9 tỷ đồng.

- Trong năm 2014 giá vật tư chưa có biến động lớn, doanh nghiệp được ưu đãi về tiền thuê đất.

1.2. Khó khăn:

Về thị trường: Năm 2014 chứng kiến sự suy giảm mạnh sức cầu của thị trường cả trong và ngoài ngành, cạnh tranh ngày càng gay gắt do cầu ít.

Về vốn: Vốn chủ sở hữu không tăng được, vốn vay lãi suất cao khó khăn trong cân đối nguồn vốn kinh doanh, nhất là trong khi thị trường suy giảm việc tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất thấp khó đối với các doanh nghiệp sản xuất.

Về năng lực in: Việc đồng bộ hóa dây chuyền nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đã được Công ty định hướng từ KH đầu năm 2012, tuy nhiên thị trường chứng khoán vẫn suy giảm trong năm nên khó khăn cho việc huy động nguồn vốn để đầu tư, trong khi máy móc thiết bị, nhà xưởng phần lớn đã cũ làm tăng chi phí sửa chữa và hao hụt vật tư đồng thời chưa đáp ứng được các đơn đặt hàng đối tác đòi hỏi công nghệ in tiêu chuẩn cao.

Về lao động: Do khó khăn, việc giảm, thu nhập không cao thiếu ổn định, cạnh tranh khốc liệt, nhân lực ngành in dịch chuyển nhiều, phần lớn chuyển sang ngành nghề khác không chỉ đối với Công ty Cổ phần In Hàng không mà trong tất cả các công ty in

đang lâm vào tình trạng này, đây là khó khăn đối với doanh nghiệp trong việc duy trì đội ngũ lao động có tay nghề.

1.3. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014(đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % TH/KH năm 2014	Tỷ lệ % TH/cùng kỳ năm 2013
1	Tổng doanh thu	Triệu VNĐ	144.034	153.755	106,74%	113,62%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	4.300	4.654	108,24%	115,81%
3	Tổng mức đầu tư	Triệu VNĐ	3.751	1.214	32,37%	505,83%
4	Tổng nộp ngân sách	Triệu VNĐ	6.345	5.769	90,92%	89,90%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Triệu VNĐ		1.683		120,47%
6	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu VNĐ	21.419.280	21.419.280	100,00	100,00

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Ban Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ông: Phạm Quang Thiệp - Tổng giám đốc

Họ và tên:	**PHẠM QUANG THIỆP**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/04/1977
Nơi sinh:	Tam Quang - Vũ Thư - Thái Bình
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 013161708; Cấp ngày 10/03/2009; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tam Quang - Vũ Thư - Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Tổ 7- Phường Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 38272851 (ext 288)
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân điện tử viễn thông, Kỹ sư Công nghệ in, Thạc sỹ quản lý khoa học công nghệ.
Quá trình công tác:	- Từ 10/2000 đến 5/2001: Nhân viên Phân xưởng Flexo. - Từ 6/2001 đến 6/2004: Nhân viên Tổ vi tính Phân xưởng Chế bản. - Từ 7/2004 đến 3/2006: Chuyên viên phòng Kế hoạch sản xuất Kiêm trưởng ban Quản lý chất lượng. - Từ 4/2006 đến 3/2007: Trưởng phòng Quản lý chất lượng. - Từ 4/2007 đến 6/2007 : Xưởng trưởng Xưởng Flexo - Từ 7/2007 đến 6/2009: Giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 2 kiêm đại diện lãnh đạo. - Từ 6/2009 đến 30/5/2010: Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 2. - Từ 30/5/2010 - 31/7/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 2.
Chức vụ hiện tại:	- Từ 01/8/2013 - 31/12/2014: Ủy viên HĐQT - Quyền Tổng giám đốc . - Từ 01/01/2015 đến nay: Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc điều hành
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

2. Ông: Nguyễn Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	**NGUYỄN MINH TUẤN**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/03/1958
Nơi sinh:	Hải Phòng
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 010442147; Cấp ngày 06/05/2005; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ

Địa chỉ thường trú:	22 ngõ 2, Phương Mai - Đống Đa Hà Nội.
Điện thoại liên lạc:	04.38272851 (206)
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác:	- Từ 4/1980: Cục Tài vụ Tổng cục HKDDVN. - Từ 1989 đến 5/2005: Kế toán trưởng Xí nghiệp In Hàng không. - 10/2005 đến 30/5/2010: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không. - 30/5/2010 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không.
Chức vụ hiện tại:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần In Hàng không
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

3. Ông: Lê Xuân Thành - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	**LÊ XUÂN THÀNH**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/12/1971
Nơi sinh:	Hà Nội
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 011515979; Cấp ngày 26/9/2005; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Yên Thạch - Lập Thạch - Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	Khu TT cửa hàng Kim khí số 2 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 38272851 (ext 208)
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học thương mại.
Quá trình công tác:	- Từ 11/1992 đến 03/1993: Công nhân Phân xưởng Giấy. - Từ 4/1993 đến 12/1996: Phó Quản đốc Phân xưởng Giấy. - Từ 01/1997 đến 02/2008: Quản đốc Phân xưởng Giấy. - 03/2008 đến 07/2013: Giám đốc Xí nghiệp Giấy Hàng không. - 8/2013 đến nay: P. Tổng giám đốc Công ty.
Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc Công ty.
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

4. Ông: Ngô Xuân Giảng - Kế toán trưởng

Họ và tên:	**NGÔ XUÂN GIẢNG**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/10/1973
Nơi sinh:	Thanh Hà, Hải Dương
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 013004479; Cấp ngày 08/09/2007; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thanh Hà, Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Phòng 206 nhà D5 Tập thể Phương Mai, Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 38720376 (Ext 301)
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế, Cử nhân luật
Quá trình công tác:	- Từ năm 1997 đến năm 1998 nhân viên phòng Kế hoạch Sản xuất Công ty In Hàng không. - Từ năm 1998 đến năm 2001 kế toán Tổng hợp phòng Tài chính - Kế toán Công ty In Hàng không. - Từ năm 2002 đến 2005 Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty In Hàng không. - Từ tháng 10/2005 đến nay là Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần In Hàng không.
Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính - kế toán
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

- Ngày 01/01/2015 đã chính thức bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty đối với Ông Phạm Quang Thiệp Q. Tổng giám đốc.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tổng số lao động kết thúc ngày 31/12/2014 là 237 người, được Công ty trích lập BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định, được mua bảo hiểm tai nạn lao động, được hưởng các chế độ khác theo quy định của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tổng mức đầu tư năm 2014 là 1.220 triệu đồng đạt 32,50% kế hoạch, công tác đầu tư tiếp tục tập trung các thiết bị cấp thiết đáp ứng ngay yêu cầu sản xuất kinh doanh, dừng và dãn đầu tư, thực hiện luân chuyển máy móc thiết bị trong nội

bộ doanh nghiệp.

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.91	2.08	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	1.33	1.47	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	45,82	40,36	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	84,57	67,67	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	9.87	11.27	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.77	3.38	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,21	2,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,30	13,28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,12	7,92	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,94	2,87	
+			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 2.141.928 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.141.928 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Năm nay
Cổ đông sáng lập	11.662.470.000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	10.924.200.000
Nhà Xuất bản Khoa học Kỹ thuật	-
Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	738.270.000
Cổ đông khác	9.756.810.000
Cộng	**21.419.280.000**

- Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Cổ đông	Số Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	110824	200 Đường Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà nội	1.092.420	10.924.200.000	51%

- Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	1.092.420	10.924.200.000	51%	Đại diện: Ông Bùi Doãn Nề Ông Nguyễn Bá Nhật Bà Lê Kim Phượng
2	Nhà Xuất bản Khoa học Kỹ thuật	-	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	73.827	738.270.000	3,44 %	Đại diện: Ông Đặng Quang Chính

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

2. Tình hình tài chính.

Năm 2014, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm sau khủng hoảng tài chính. Mặc dù có những dấu hiệu tích cực hơn về cuối năm nhưng triển vọng kinh tế trong năm nhìn chung phục hồi còn chậm hơn kỳ vọng. Trong nước, các chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế chi tiêu có ảnh hưởng đến tốc độ phát triển chung của nền kinh tế, sức cầu thấp, tiêu thụ sản phẩm chậm và yếu tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất của hầu hết các doanh nghiệp. Sản phẩm in cạnh tranh gay gắt, quyết liệt do số lượng doanh nghiệp in nhiều, nguồn khách hàng hạn chế. Trước tình hình đó ngay từ đầu năm HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp điều hành, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm chính của Công ty, tiết giảm chi phí, quản lý tốt công nợ khách hàng nên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014(đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % TH/KH năm 2014	Tỷ lệ % TH/cùng kỳ năm 2013
1	Tổng doanh thu	Triệu VNĐ	144.034	153.755	106,74%	113,62%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	4.300	4.654	108,24%	115,81%
3	Tổng mức đầu tư	Triệu VNĐ	3.751	1.214	32,37%	505,83%
4	Tổng nộp ngân sách	Triệu VNĐ	6.345	5.769	90,92%	89,90%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Triệu VNĐ		1.683		120,47%
6	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu VNĐ	21.419.280	21.419.280	100,00	100,00

Các chỉ tiêu phân tích báo cáo tài chính năm 2014, cơ bản tốt và nằm trong giới hạn an toàn.

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2013
1.	Khả năng thanh toán		
	- Tỷ lệ thanh toán hiện hành (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	2.08	1.91
	- Tỷ lệ thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền / Nợ ngắn hạn)	1.47	1.33
2.	Chỉ tiêu cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
	- Tài sản cố định / Tổng tài sản	13,72%	15,37%

	- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	84,12%	83,43%
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	40,37%	45,82%
	- Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	59,63%	54,18%
3.	Tỷ suất sinh lời		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	2,12%	2,21%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	7,92%	6,25%
	- Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) = Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH bình quân	16,83	13,97
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7,92	6,25
	- Lãi cơ bản / Cổ phiếu	1.683	1.397

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Về sản xuất kinh doanh: Năm 2014 ngay từ đầu năm được đánh giá là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo đã chủ động theo sát tình hình, tập trung chỉ đạo, điều hành, sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Trong bối cảnh cầu sức cầu tiêu dùng sụt giảm mạnh, công ty đã triển khai các giải pháp linh hoạt như giảm lượng dự trữ tồn kho ở mức hợp lý, nhưng vẫn đảm bảo cho sản xuất không bị gián đoạn, rút ngắn thời hạn thanh toán ưu đãi về giá bán cho những khách hàng thanh toán ngay, đẩy nhanh vòng quay vốn;

+ Về đầu tư: Tổng mức đầu tư năm 2014 là 1.220 triệu đồng đạt 32,50% kế hoạch, công tác đầu tư tiếp tục tập trung các thiết bị cấp thiết đáp ứng ngay yêu cầu sản xuất kinh doanh, dừng và dãn đầu tư, thực hiện luân chuyển máy móc thiết bị trong nội bộ doanh nghiệp. Qua rà soát lại danh mục đầu tư trong kế hoạch năm 2014 Công ty đã chủ động cắt giảm các danh mục đầu tư chưa thực sự cần thiết và tính toán hiệu quả đầu tư. Tập trung đầu tư và sửa chữa cơ bản cơ sở hạ tầng đáp ứng điều kiện làm việc đảm bảo hoạt động của Công ty.

+ Ban giám đốc công ty đã bám sát vào các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và diễn biến của thị trường xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt. Giữ vững được thị trường truyền thống, phát triển những thị trường tiềm năng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

+ Các biện pháp kiểm soát: Chủ động giao trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân trong công ty, có chế độ khen thưởng cho tập thể, cá nhân làm tốt và kỷ luật các trường hợp vi phạm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Bố trí sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp, nâng cao năng suất tăng thu nhập cho người lao động;

- Bám sát mục tiêu nhiệm vụ để thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

- Đối với chính sách cho người lao động, Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị quần áo bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại của Công ty được thực hiện thường xuyên và kịp thời.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Vào thời điểm thích hợp sẽ triển khai kế hoạch tăng vốn Điều lệ phục vụ cho công tác đầu tư đổi mới trang thiết bị máy móc, mở rộng sản xuất cùng với sự phát triển của ngành Hàng không, tăng năng lực cạnh tranh với thị trường ngoài ngành. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu dài hạn hướng vào sản phẩm phục vụ ngành Hàng không.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2014 là năm nền kinh tế chịu nhiều khó khăn, nên kinh tế vĩ mô chưa ổn định, đồng thời một số chính sách kiềm chế lạm phát và hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn chưa phát huy hết tác dụng. Trong tình hình chung đó công ty cũng phải chịu không ít khó khăn. Nhưng với những nỗ lực trong công tác điều hành và sản xuất, công ty đã hoàn thành xuất sắc những chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận so với kế hoạch đề ra trong điều kiện thị trường có nhiều yếu tố không thuận lợi. Trong đó: Tổng doanh thu 153.755 triệu đồng đồng đạt 106,74% so với kế hoạch, tổng lợi nhuận trước thuế là 4.654 triệu đồng đạt 108,24% so với kế hoạch.

Kết quả đạt được năm 2014 thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị trong công tác chỉ đạo cũng như đề ra các giải pháp kịp thời ổn đinh và phát triển sản xuất kinh doanh. Giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của doanh nghiệp, tập trung mọi nguồn lực để đạt được những kế hoạch và mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Duy trì và tăng cường công tác quản trị

doanh nghiệp để ứng phó kịp thời với các diễn biến bất thường của nền kinh tế.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm vừa qua, Ban giám đốc đã triển khai, vận dụng đúng và linh hoạt các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra. Đồng thời, điều hành và duy trì bộ máy hoạt động tốt trong điều kiện nên kinh tế gặp nhiều khó khăn để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được hiệu quả cao nhất.

Ban điều hành đã tuân thủ và thực hiênh nghiêm túc các quy định của pháp luật, nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Luôn thể hiện trách nhiệm cao, tận tụy trong công việc, thường xuyên chia sẻ thông tin, báo cáo kịp thời và bàn bạc thống nhất các giải pháp tổ chức thực hiện; Ứng dụng công nghệ thông tin vào quả lý sản xuất, giám sát tốt công nợ không phát sinh thêm nợ mới, quản trị tốt dòng tiền đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt nhằm ứng phó có hiệu quả trước tình hình đã được dự báo là có rất nhiều khó khăn; nghiên cứu và nắm bắt thông tin kinh tế, thị trường để kịp thời có những đối sách chính xác, có các biện pháp phù hợp và hiệu quả.

Duy trì và phát triển Công ty theo định hướng đã đề ra, bảo đảm chất lượng sản phẩm cung ứng cho khách hàng, sát cánh cùng Ban điều hành xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo Công ty ngày càng chất lượng. Đánh giá năng lực cán bộ để bố trí cho phù hợp, hiệu quả. Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức. Thu hút thêm nguồn nhân lực có kinh nghiệm, tố chất để bổ sung vào các bộ phận nghiệp vụ để đápứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục củng cố, sắp xếp và kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý điều hành; phát triển nguồn nhân lực có kỹ nâng; tăng cường vai trò chủ động, linh hoạt của các phòng chức năng và đơn vị thành viên nhằm đưa các hoạt động của Công ty vào quy chuẩn, nề nếp.

Củng cố, duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, phát triển khách hàng mới, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, đa dạng loại hình sản phẩm - dịch vụ của Công ty đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, triển khai thực hiện những danh mục đầu tư có hiệu quả. Sử dụng nhiều biện pháp để khai thác hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu nhằm mang lại tối đa tỷ suất lợi nhuận trên vốn; tăng cường kiểm soát dự trữ hàng tồn kho, giám sát tốt tình hình công nợ, quản lý chi phí tiết kiệm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tiền lương hiệu quả làm đòn bẩy kích thích sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty, đơn vị và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị : gồm có 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP Sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Bùi Doãn Nề	Chủ tịch HĐQT Kiêm TGĐ	Đại diện vốn góp của TCTHKVN, ngoài ra còn sở hữu 28.389 cổ phần	1,33%
2	Nguyễn Thái Linh	Thành viên HĐQT	81.345	3,79%
3	Phạm Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	1.735	0,081%
4	Nguyễn Bá Nhật	Thành viên HĐQT	Đại diện vốn góp của TCTHKVN	
5	Lê Kim Phượng	Thành viên HĐQT	Đại diện vốn góp của TCTHKVN	

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hiện có 05 thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 năm. Hội đồng quản trị có những

nhiệm vụ:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển Công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ giữ chức vụ quản lý Công ty.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch hoạt động của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Các quy định khác được quy định tại điều lệ Công ty.

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014 đã tổ chức 01 kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, 01 lần Đại hội đồng cổđông bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản về việc sửa điều khoản người đại diện theo pháp luật tại Điều lệ Công ty, 05 kỳ họp Hội đồng quản trị 05 kỳ họp lấy ý kiến bằng văn bản.

- **Các Nghị quyết, quyết định năm 2014**

TT	Số Biên bản/ Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
1	54/NQHĐQT-CPINHK	25/01/2014	V/v: Phê duyệt nhà cung cấp 2014
2	55/QĐHĐQT-CPINHK	07/01/2014	Quyết định thi đua khen thưởng năm 203
3	57/NQHĐQT-CPINHK	07/03/2014	V/v: Phê duyệt quỹ lương năm 2013
4	58/QĐHĐQT-CPINHK	07/03/2014	V/v: Phê duyệt quỹ lương năm 2013

5	61/NQHĐQT-CPINHK	20/04/2014	Nghị quyết Phiên họp thứ 18
6	64/NQĐHĐCĐ-CPINHK	25/04/2014	NQ ĐCĐCĐ thường niên năm 2014
7	66/QĐHĐQT-CPINHK	28/4/2014	V/v: Chia quỹ thưởng BĐH Công ty
8	67/NQHĐQT-CPINHK	22/6/2014	V/v: Phê duyệt máy gấp tập
9	68/QĐHĐQT-CPINHK	22/6/2014	V/v: Phê duyệt máy gấp tập
10	71/NQHĐQT-CPINHK	05/8/2014	V/v: Phê duyệt hạn mức vay vốn
11	72/QĐHĐQT-CPINHK	05/8/2014	V/v: Phê duyệt hạn mức vay vốn
12	74/NQHĐQT-CPINHK	25/8/2014	Nghị quyết phiên họp thứ 19
13	75/QĐHĐQT-CPINHK	19/9/2014	Quyết định ban hành quy chế hoạt động của các Chi nhánh thuộc Công ty
14	78/NQHĐQT-CPINHK	16/12/2014	Nghị quyết phiên họp thứ 20
15	80/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định thôi giữ chức cán bộ
16	81/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định bổ nhiệm TGĐ điều hành Công ty
17	82/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	QĐ Bổ nhiệm có thời hạn đối với cán bộ
18	83/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ
19	84/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ

20	85/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ
21	86/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ
22	87/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ
23	88/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ
24	89/QĐHĐQT-CPINHK	30/12/2014	Quyết định Bổ nhiệm cán bộ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP Sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Lê Thị Thu Lan	Trưởng Ban KS	Đại diện phần vốn góp của VNA	
1	Đặng Quang Chính	Trưởng ban kiểm	Đại diện cổ phần của Công ty CP TM và In Trường Đạt 73.872 CP	3,44%
3	Đoàn Thị Hà	Thành viên BKS	440	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành từ tháng 4/2014 đến tháng 4/2015 để lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động của Ban.

- Ban Kiểm soát đã tiến hành họp 04 kỳ để triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo đúng qui định, các nội dung kiểm soát trong kỳ bao gồm các nội dung sau:

+ Kiểm tra tình hình triển khai và thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2014. (Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, thù lao HĐQT, BKS, chia cổ tức 2014, thực hiện kế hoạch SXKD đến 30/3/2015)

+ Soát xét công nợ quá hạn khó đòi đã khuyến cáo trong năm 2014, quy trình mua sắm hàng hóa nguyên vật liệu, quy trình nhập xuất và quản lý thành phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu tại Công ty.

+ Soát xét báo cáo tài chính 2014 sau kiểm toán, chuẩn bị nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ năm 2015.

+ Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành năm 2014.

- Sau các cuộc họp, Ban kiểm soát đều thông báo kết quả làm việc tới HĐQT và Ban Giám đốc Công ty bằng văn bản.

- Ban kiểm soát đã cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT trong kỳ.

- Đề xuất các công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2014:

- Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2014: 96.000.000 đồng (5 thành viên)

Chủ tịch: 2.000.000 đồng/tháng

Bốn thành viên, mỗi thành viên: 1.500.000 đồng/tháng

- Thù lao Ban kiểm soát: 60.000.000 đồng (3 thành viên)

Trưởng ban: 2.000.000 đồng/tháng

Hai thành viên, mỗi thành viên: 1.500.000 đồng/tháng

- Thu nhập Ban Tổng giám đốc: Tổng giám đốc điều hành và hai (02) Phó tổng giám đốc là: 573.607.706 đồng/năm

a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không.

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		38,276,670,245	40,772,665,676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**10,299,742,423**	**3,864,214,770**
1. Tiền	111		10,299,742,423	3,864,214,770
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**15,248,986,950**	**23,428,855,665**
1. Phải thu khách hàng	131		17,132,266,727	24,704,879,008
2. Trả trước cho người bán	132		276,766,443	501,271,250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		219,853,093	257,979,922

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-2,379,899,313	-2,035,274,515
IV. Hàng tồn kho	**140**		**11,225,273,293**	**12,334,274,419**
1. Hàng tồn kho	141		11,225,273,293	12,334,274,419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1,502,667,579**	**1,145,320,822**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		354,198,182	3,495,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		994,427,437	1,023,526,084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		87,944,545	3,816,559
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		66,097,415	114,483,179
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	**200**		**7,226,991,518**	**8,098,902,195**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**6,241,949,571**	**7,513,936,497**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		6,095,699,571	7,513,936,497
- Nguyên giá	222		59,865,447,864	59,224,376,708
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		-53,769,748,293	-51,710,440,211
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		146,250,000	
- Nguyên giá	228		150,000,000	
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		-3,750,000	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**985,041,947**	**584,965,698**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		787,041,947	386,965,698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		198,000,000	198,000,000
VI. Lợi thế thương mại	**269**			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**45,503,661,763**	**48,871,567,871**

NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**18,364,039,382**	**22,393,053,439**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**18,364,039,382**	**21,322,780,712**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1,018,000,000	1,946,234,619
2. Phải trả người bán	312		12,474,477,392	14,415,476,175
3. Người mua trả tiền trước	**313**		690,091,822	1,111,882,760
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		919,533,418	1,869,165,444
5. Phải trả người lao động	315		1,462,712,639	914,177,183
6. Chi phí phải trả	316		1,005,441,473	683,920,195
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		739,112,716	550,193,539
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	**323**		54,669,922	-168,269,203
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	**330**			**1,070,272,727**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			1,018,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	**338**			52,272,727
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	**339**			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**		**27,139,622,381**	**26,478,514,432**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**27,139,622,381**	**26,478,514,432**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21,419,280,000	21,419,280,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		767,816,456	767,816,456
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		520,378,354	520,378,354
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,432,147,571	3,771,039,622
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	**422**			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			

C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	**440**		**45,503,661,763**	**48,871,567,871**
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
USD			32,057.39	2,558.04
EUR			81.00	80.88
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**		**153,755,111,426**	135,322,603,893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**2**		2,145,000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**153,752,966,426**	**135,322,603,893**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**132,798,799,349**	**115,345,889,671**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**20,954,167,077**	**19,976,714,222**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		177,292,450	71,743,638
7. Chi phí tài chính	**22**		271,570,829	454,129,840
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		*221,973,581*	*430,066,638*
8. Chi phí bán hàng	**24**		3,269,871,896	3,141,990,993
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		13,174,610,969	12,470,246,104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	**30**		**4,415,405,833**	**3,982,090,923**
11. Thu nhập khác	**31**		243,843,200	102,930,900
12. Chi phí khác	**32**		4,977,218	66,277,569
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**238,865,982**	**36,653,331**
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**45**			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	**50**		**4,654,271,815**	**4,018,744,254**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**		1,050,114,787	1,026,353,001
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	**60**		**3,604,157,028**	**2,992,391,253**
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	**61**			

18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	**62**			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		1,683	1,397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Đơn vị tính: đồng VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		174,077,037,020	139,613,864,696
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		-134,594,401,061	-111,522,038,751
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		-13,556,266,474	-14,268,554,374
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-228,474,803	-442,066,643
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-1,883,585,953	-1,178,088,424
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		744,659,510	504,226,416
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		-13,455,696,007	-10,896,029,489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***11,803,272,232***	***1,811,313,431***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-1,214,024,156	-258,700,000
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		85,454,545	
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-3,000,000,000	
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,000,000,000	
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		165,597,140	57,163,036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***-962,972,471***	***-201,536,964***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			843,134,619
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-1,946,234,619	-3,696,142,073
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-2,459,982,925	-2,258,289,262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-4,406,217,544	***-5,111,296,716***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**6,434,082,217**	**-3,501,520,249**

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		3,864,214,770	7,354,464,156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,445,436	11,270,863
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		10,299,742,423	3,864,214,770

Bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Tham khảo trên Website: http://aviprint.com.vn và trang Website: http://www.ssc.gov.vn và trang Website: http://ezsearch.fpts.com.vn của Công ty Cổ phần chứng khoán FPT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

M.S.D.N: 0100108014 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG Q. LONG BIÊN TP. HÀ NỘI

Phạm Quang Thiệp